

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực
nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ văn bản số 6707/BNN-TCTL ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kế hoạch cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 375/TTr-SNN ngày 15 /12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Công ty Điện lực Bình Định, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K13 (25b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

**KẾ HOẠCH
ĐẢM BẢO CẤP NƯỚC AN TOÀN KHU VỰC NÔNG THÔN TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2025**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)*

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Tổng cục Thủy lợi về việc ban hành tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ văn bản số 6707/BNN-TCTL ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kế hoạch cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

II. THỰC TRẠNG

1. Thực trạng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn

- Trên địa bàn tỉnh có 94 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động, với công suất thiết kế 47.666 m³/ngày.đêm, cấp nước sinh hoạt cho 103.979 hộ, thực tế cấp 74.732 hộ, đạt 71,9%. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% (tuy nhiên, khi nắng nóng kéo dài có một số giếng khoan và giếng đào cạn nước); trong đó, đáp ứng theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế đạt 65,5%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung 28,4%; tỷ lệ thất thoát nước hiện nay 22,5%.

- Công trình hoạt động bền vững: 13 công trình đạt 10,2% (các công trình có công suất trên 1.000 m³/ngày.đêm, công nghệ xử lý nước hoàn chỉnh). Tổng công suất thiết kế 26.970 m³/ngày.

- Công trình hoạt động tương đối bền vững: 4 công trình đạt 3,1% (các công trình có công suất ≤ 1.000m³/ngày.đêm trở xuống). Tổng công suất thiết kế 1.245 m³/ngày.

- Công trình hoạt động kém bền vững: 77 công trình đạt 60,2% (các công trình tự chảy vùng miền núi, các công trình có công suất ≤ 100 m³/ngày.đêm). Tổng công suất thiết kế 14.246 m³/ngày.

- Công trình không hoạt động: 34 công trình, chiếm 26,5%.

Các công trình chưa bền vững, kém bền vững thường bị thiếu nước vào mùa nắng, chủ yếu là các công trình cấp nước tự chảy huyện Miền Núi.

2. Công tác quản lý, vận hành công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn

Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý 15 công trình, gồm: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh 06 công trình; Nhà máy cấp nước sạch huyện Phù Mỹ 05 công trình; Ban Quản lý cấp nước huyện Tuy Phước 02 công trình, Ban Quản lý cấp nước huyện Tây Sơn 01 công trình, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh 01 công trình.

UBND xã/Hợp tác xã quản lý: 73 công trình.

Doanh nghiệp tư nhân, Công ty cổ phần quản lý 06 công trình, gồm: Công ty cổ phần tổng hợp Vân Canh 01 công trình; Công ty cổ phần xây lắp An Nhơn 01 công trình; Công ty TNHH cấp thoát nước miền Trung 02 công trình; Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định 02 công trình.

Các đơn vị quản lý, vận hành cấp nước đạt yêu cầu gồm: Trung tâm Nước sạch và VSMTNT, Nhà máy cấp nước sạch Phù Mỹ, Ban Quản lý cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước, Ban Quản lý cấp và thoát nước huyện Tây Sơn, Công ty Cổ phần xây lắp An Nhơn, Công ty TNHH cấp thoát nước miền Trung, UBND xã Cát Minh, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng.

- Bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lưu lượng, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Duy trì 100% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 40%; tỷ lệ thất thoát bình quân là 15%;

- Đối với các xã theo lộ trình kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ đạt đô thị loại V thì phải đảm bảo chỉ tiêu cấp nước theo quy định;

- Đến năm 2025: Có 17 công trình cấp nước an toàn, hoạt động bền vững (*chi tiết phụ lục 1 kèm theo*); hoàn thành 12 công trình đang thực hiện chuẩn bị đầu tư, đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa giai đoạn 2021-2025 (*chi tiết phụ lục 2 kèm theo*).

3. Phạm vi, đối tượng áp dụng

- Phạm vi thực hiện: Triển khai trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch đối với hệ thống cấp nước tập trung nông thôn được quản lý vận hành bởi các mô hình tổ chức khác nhau trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý vận hành, sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế; kiểm tra, giám sát chất lượng nước sinh hoạt khu vực nông thôn theo quy chuẩn quy định.

- Bố trí huy động, lồng ghép các nguồn lực, đầu tư cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước bị hư hỏng xuống cấp nhằm cung ứng đầy đủ, liên tục và bảo đảm chất lượng nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là khu vực khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa.

- Quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước: Bảo vệ chất lượng nguồn nước nguyên liệu; xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép.

- Đối với các công trình hoạt động bền vững, tiếp tục duy trì; đối với các công trình hoạt động tương đối bền vững: Các chủ quản lý công trình, sửa chữa, nâng cấp để công trình hoạt động bền vững; đối với các công trình hoạt động kém

bền vững: UBND các huyện ưu tiên mọi nguồn lực sửa chữa, nâng cấp để công trình hoạt động bền vững.

- Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả như: Đa dạng hóa các hình thức tổ chức tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch vào mục đích ăn uống, sinh hoạt; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước là bảo vệ sức khỏe đến người sử dụng nước.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học trong đầu tư xây dựng, trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn bảo đảm chất lượng, an toàn, giảm tỷ lệ thất thoát nước và kịp thời ứng phó, xử lý sự cố.

- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ quản lý, vận hành khai thác công trình nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý công trình.

- Rà soát năng lực của các đơn vị cấp nước trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để sắp xếp củng cố, kiện toàn đảm bảo năng lực quản lý công trình theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị cấp nước nông thôn xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đến năm 2025 theo kế hoạch, lộ trình được phê duyệt.

- Thu hút các doanh nghiệp cung cấp nước sạch vào đầu tư theo hình thức PPP.

- Đầu tư xây dựng công trình cấp nước có công suất lớn hơn 1.000 m³/ngày.đêm và có công nghệ xử lý hoàn chỉnh, cấp nước liên xã, liên vùng. Không đầu tư xây dựng công trình cấp nước nhỏ lẻ.

- Đối với các công trình hư hỏng không hoạt động hoặc đã được công trình mới thay thế, không còn vai trò cấp nước nhưng chưa hoàn thành công tác thanh lý. UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thanh lý công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn đến năm 2025 được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với các đơn vị cấp nước có giá nước được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý: Kinh phí lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn được tính vào chi phí sản xuất theo quy định.

- Đối với các đơn vị cấp nước có giá chưa được tính đúng tính đủ các chi phí hợp lý: Khoản trưng xây dựng, lập phương án giá nước sạch theo đúng quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt thực hiện phù hợp, đảm bảo quy định.

- Lồng ghép Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước tham gia thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn sử dụng kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị hàng năm.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thẩm định, phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn cho các hệ thống cấp nước tập trung khu vực nông thôn.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị cấp nước và các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ và công nhân trực tiếp quản lý công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, nhằm nâng cao năng lực quản lý, khai thác và sử dụng công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn bàn hành theo Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/6/2019 của Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sở Xây dựng

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Bình Định và chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025 và các quy định liên quan; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục.

- Thẩm định các công trình nước sạch nông thôn cần lựa chọn nguồn nước thô, công nghệ, thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo môi trường và đề xuất đơn vị quản lý vận hành công trình sau đầu tư.

3. Sở Y tế

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định tại thông tư số 41/2018-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị liên quan thường xuyên thanh tra, kiểm tra chất lượng nước sau xử lý tại các đơn vị cấp nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước, kiểm tra hướng dẫn việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước, hành lang

bảo vệ nguồn nước. Xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước và xả thải không đúng theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện, thị xã, thành phố tổ chức ứng phó khắc phục ô nhiễm nguồn nước; thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; hướng dẫn việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thẩm định nhu cầu sử dụng đất xây dựng công trình cấp nước để cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, định hướng các cơ quan cơ quan truyền thông và các địa phương tăng cường truyền thông, xây dựng ý thức cộng đồng về việc bảo vệ nguồn nước, hệ thống cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm, an toàn.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách liên quan để huy động nguồn lực đầu tư cho các công trình cấp nước nhằm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí vốn đầu tư và lồng ghép Kế hoạch cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch nông thôn đến năm 2025 vào các chương trình, dự án thuộc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư hàng năm của tỉnh.

7. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước gửi đề trình UBND tỉnh phê duyệt giá nước; tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án hỗ trợ giá nước (nếu có) cho các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Khoa học và công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan ưu tiên đề xuất các nhiệm vụ về nghiên cứu công nghệ xử lý nước thích hợp áp dụng ở khu vực khó khăn về nguồn nước và khu dân cư thưa thớt.

9. Công ty Điện lực Bình Định

- Đối với các công trình lập kế hoạch cấp nước an toàn: Đơn vị cấp nước phối hợp với Công ty Điện lực Bình Định trong công tác thỏa thuận đấu nối và ưu tiên nguồn điện cho nhà máy cấp nước.

- Đối với các công trình đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa đến năm 2025: Chủ đầu tư phối hợp với Công ty Điện lực Bình Định thỏa thuận đấu nối nguồn điện ưu tiên.

10. Công an tỉnh

Có kế hoạch bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch; chỉ đạo lực lượng chức năng phối hợp, điều tra, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước và các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trái phép.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các bên có liên quan trong công tác quản lý để các công trình bị hư hỏng, không còn khả năng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã được giao quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xây dựng phương giá nước trình thẩm định, phê duyệt theo quy định; xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn của từng hệ thống, công trình cấp nước sạch nông thôn.

- Có ý kiến đối với các phương án giá nước (do các đơn vị cấp nước xây dựng) của các công trình cấp nước trên địa bàn quản lý trước khi gửi Sở Tài chính thẩm định.

- Có ý kiến về xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn (do các đơn vị cấp nước xây dựng) của các công trình cấp nước trên địa bàn quản lý trước khi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt.

- Rà soát năng lực của các đơn vị cấp nước để sắp xếp củng cố, kiện toàn đảm bảo năng lực quản lý công trình theo quy định.

- Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

12. Các đơn vị cấp nước sạch nông thôn

- Lập kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn cho công trình cấp nước sạch nông thôn do đơn vị mình quản lý trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình được giao quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt; đối với công trình do Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, vận hành trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét phê duyệt.

- Hàng năm rà soát việc thực hiện phương án giá nước sạch và giá nước sạch dự kiến cho năm tiếp theo. Trường hợp các yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch có biến động làm giá nước sạch của năm tiếp theo tăng hoặc giảm, đơn vị cấp nước lập hồ sơ phương án giá nước sạch gửi Sở Tài chính thẩm định.

- Thành lập nhóm cấp nước an toàn, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Trên đây là Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị cấp nước và các cơ quan, đơn vị liên

quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả; định kỳ trước ngày 30/10 hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN, HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng		Công suất			Đơn vị lập kế hoạch cấp nước an toàn	Đơn vị chỉ đạo	Thời gian thực hiện (năm)	Kết quả đạt được
		Xã	Huyện	Thiết kế (m ³ /ngđ)	Thiết kế (hộ)	Sử dụng thực tế (hộ)				
1	Công trình cấp nước xã Ân Tường Đông	Ân Tường Đông	Hoài Ân	378	713	438	UBND xã, Hợp tác xã	UBND huyện Hoài Ân	2021-2022	Quyết định
2	Công trình cấp nước xã Ân Tường Tây	Ân Tường Tây	Hoài Ân	600	990	599	UBND xã, Hợp tác xã	UBND huyện Hoài Ân	2021-2022	Quyết định
3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Vạn Hội, xã Ân Tín	Ân Tín	Hoài Ân	1.000	2.500	2.343	UBND xã, Hợp tác xã	UBND huyện Hoài Ân	2022-2023	Quyết định
4	Công trình cấp nước xã Vĩnh Thuận	Xã Vĩnh Thuận	Vĩnh Thạnh	207	450	345	Ban quản lý DADTXD và Phát triển quỹ đất	UBND huyện Vĩnh Thạnh	2022	Quyết định
5	Công trình cấp nước xã Nhơn Châu	Xã Nhơn Châu	TP Quy Nhơn	300	1.000	579	Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định	UBND TP Quy Nhơn	2022	Quyết định

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng		Công suất			Đơn vị lập kế hoạch cấp nước an toàn	Đơn vị chỉ đạo	Thời gian thực hiện (năm)	Kết quả đạt được
		Xã	Huyện	Thiết kế (m ³ /ngđ)	Thiết kế (hộ)	Sử dụng thực tế (hộ)				
6	Công trình cấp nước xã Nhơn Hải	Nhơn Hải	TP Quy Nhơn	1.200	1.550	1.416	Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định	UBND TP Quy Nhơn	2022	Quyết định
7	Công trình cấp nước 03 xã Đông An Nhơn	Nhơn Phong	Thị xã An Nhơn	1.330	4.000	4.603	Công ty cổ phần xây lắp An Nhơn	UBND thị xã An Nhơn	2021-2022	Quyết định
8	Công trình cấp nước Phước Thuận	Phước Nghĩa	Tuy Phước	1.800	3.800	2.572	Ban Quản lý cấp nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước	UBND huyện Tuy Phước	2022	Quyết định
9	Công trình cấp nước xã Cát Hanh	Cát Hanh	Phù Cát	1.000	2.300	1.576	Công ty TNHH cấp thoát nước miền Trung	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện Phù Cát	2022	Quyết định

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng		Công suất			Đơn vị lập kế hoạch cấp nước an toàn	Đơn vị chỉ đạo	Thời gian thực hiện (năm)	Kết quả đạt được
		Xã	Huyện	Thiết kế (m3/ngđ)	Thiết kế (hộ)	Sử dụng thực tế (hộ)				
10	Công trình cấp nước xã Cát Khánh	Cát Khánh	Phù Cát	1.450	3.143	2.623	Công ty TNHH cấp thoát nước miền Trung	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện Phù Cát	2022	Quyết định
11	Công trình cấp nước xã Cát Minh	Cát Minh	Phù Cát	840	2.500	3.131	UBND xã, Hợp tác xã	UBND huyện Phù Cát	2022	Quyết định
12	Công trình cấp nước huyện Phù Cát	Cát Nhơn	Phù Cát	5.600	21.000	18.430	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT		QĐ 624/QĐ-SNN về việc phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn Nhà máy cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát
13	Công trình cấp nước Tây Giang - Tây Thuận	Tây Giang	Tây Sơn	1.500	3.700	3.211	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	2022	Quyết định

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng		Công suất			Đơn vị lập kế hoạch cấp nước an toàn	Đơn vị chỉ đạo	Thời gian thực hiện (năm)	Kết quả đạt được
		Xã	Huyện	Thiết kế (m3/ngđ)	Thiết kế (hộ)	Sử dụng thực tế (hộ)				
14	Công trình cấp nước Vĩnh An - Bình Tường	Vĩnh An	Tây Sơn	2.500	3.500	3.221	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	2022	QĐ 953/QĐ-SNN về việc phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Vĩnh An – Bình Tường, huyện Tây Sơn
15	Công trình cấp nước Phước Sơn	Phước Hiệp	Tuy Phước	3.000	6.870	9.366	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	2022	Quyết định
16	Công trình cấp nước xã Nhơn Tân	Nhơn Tân	Thị xã An Nhơn	850	2.563	2.731	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	2023	Quyết định

STT	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng		Công suất			Đơn vị lập kế hoạch cấp nước an toàn	Đơn vị chỉ đạo	Thời gian thực hiện (năm)	Kết quả đạt được
		Xã	Huyện	Thiết kế (m3/ngđ)	Thiết kế (hộ)	Sử dụng thực tế (hộ)				
17	Công trình cấp nước sinh hoạt khu Đông Nam Hoài Nhơn	Hoài Xuân	Thị xã Hoài Nhơn	5.600	11.600	10.555	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT	2022	Quyết định

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Tên dự án	Địa chỉ		Vùng cấp nước	Công suất (m ³ /ng.đ)	Số hộ	Nhân khẩu
		Xã	Huyện				
1	Mở rộng phạm vi cấp nước Hoài Nhơn	Hoài Xuân	Hoài Nhơn	Hoài Thanh		737	2.948
2	Cấp nước sạch Hoài Nhơn theo hình thức PPP (hợp đồng BOO)	Hoài Nhơn		Các xã/phường: Hoài Sơn, Hoài Phú, Hoài Châu Bắc, Hoài Châu, Hoài Đức, Hoài Thanh Tây, Tam Quan Nam và bổ sung nguồn nước cho nhà máy Tam Quan Bắc, Đông Nam Hoài Nhơn, nhà máy Bồng Sơn	16.500	18.980	75.920
3	Nhà máy cấp nước sinh hoạt Cát Trinh, Cát Tân, huyện Phù Cát	Cát Trinh, Cát Tân	Phù Cát	Cát Trinh, Cát Tân	2.700	9.000	36.000
4	Nâng cấp mở rộng phạm vi cấp nước Phù Cát	Cát Nhơn	Phù Cát	Cát Hải	12.000	831	3.324
5	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	Mỹ Đức	Phù Mỹ	Mỹ Đức	1.200	1.905	9.642

STT	Tên dự án	Địa chỉ		Vùng cấp nước	Công suất (m ³ /ng.đ)	Số hộ	Nhân khẩu
		Xã	Huyện				
6	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	Mỹ Tài	Phù Mỹ	Mỹ Tài	1.600	2.749	13.461
7	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ (GD2)	Mỹ Chánh	Phù Mỹ	Mỹ Chánh	2.000	4.380	17.520
8	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	Mỹ Lợi	Phù Mỹ	Mỹ Lợi	1.100	1.989	9.084
9	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	Bình Nghi	Tây Sơn	Bình Nghi	2.500	4.600	18.400
10	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Lộc, Phước Hiệp và vùng phụ cận	Phước Lộc	Tuy Phước	Phước Lộc, Phước Hiệp và vùng phụ cận	3.500	9.800	39.200
11	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Phước Quang, huyện Tuy Phước	Phước Quang	Tuy Phước	Phước Quang	1.500	3.000	12.000
12	Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước Nhơn Tân	Nhơn Tân	Thị xã An Nhơn	Nhơn Tân, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ và cụm Công nghiệp Nhơn Tân	7.000	8.500	35.500
	Tổng				51.600	66.471	272.999

